



Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2016

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRẺ EM NĂM 2016

Thực hiện Nghị quyết số 20/2011/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII; Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Dự án Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sửa đổi) trình Quốc hội.

Ngày 05 tháng 4 năm 2016, các đại biểu Quốc hội đã biểu quyết, thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sửa đổi) với tên gọi mới là Luật trẻ em (Luật số 102/2016/QH13) gồm 7 chương, 106 điều.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam có quan điểm, đường lối nhất quán về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện các quyền trẻ em. Điều này cũng đã được khẳng định xuyên suốt trong Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và đầu tiên ở Châu Á phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào năm 1990 mà không bảo lưu điều, khoản nào. Năm 1991, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên cơ sở Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và Pháp lệnh Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1979.

Năm 2004, Quốc hội thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em sửa đổi (sau đây gọi tắt là Luật năm 2004). Sau 10 năm thực hiện Luật năm 2004, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được nhất quán tiếp cận dựa trên quyền trẻ em, có nhiều đổi mới và đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước có nhiều thay đổi, xuất hiện nhiều vấn đề mới tác động đến trẻ em và việc thực hiện các quyền trẻ em. Luật năm 2004 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, không đáp ứng được yêu cầu giải quyết các vấn đề mới phát sinh cần sự điều chỉnh của pháp luật, cụ thể là: (1) Luật năm 2004 quy định 10 nhóm quyền cơ bản của trẻ em, các quyền khác hoặc chưa được quy định hoặc quy định rải rác tại các luật khác, chưa thể hiện được tinh thần pháp luật về trẻ em của quốc gia cần “tuyên ngôn” đầy đủ các quyền trẻ em theo Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em; (2) Thực hiện quyền trẻ em liên

quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều bộ, ngành, tổ chức, địa phương nhưng chưa có quy định cụ thể về cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, tổ chức, địa phương (3) Các biện pháp giám sát, báo cáo việc thực hiện quyền trẻ em chưa được quy định cụ thể trong Luật năm 2004; (4) Các biện pháp bảo vệ trẻ em ba cấp độ (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp) chưa được quy định một cách rõ ràng; (5) Các quyền tham gia của trẻ em, đặc biệt tham gia vào các quá trình ra quyết định của nhà nước, nhà trường, tổ chức xã hội, gia đình chưa được quy định cụ thể.

Việc ban hành Luật trẻ em thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật năm 2004, bảo đảm việc triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và tương thích hơn với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu

Tạo khuôn khổ pháp lý với những quy định đổi mới về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, thể chế hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong tình hình mới, trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định còn phù hợp của Luật năm 2004 và bổ sung những quy định mới.

Thứ hai, ghi nhận đầy đủ, toàn diện và thể chế hóa các quy định về quyền, bổn phận của trẻ em phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành.

Thứ ba, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các nước trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em và hội nhập quốc tế, hài hòa các quyền trẻ em và nguyên tắc trong Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, các điều ước quốc tế khác có liên quan.

III. NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật trẻ em năm 2016 có 7 chương với 106 điều, bao gồm: Chương I Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 11); Chương II Quyền và bổn phận của trẻ em (từ Điều 12 đến Điều 41), Chương III Chăm sóc và giáo dục trẻ em (từ Điều 42 đến Điều 46); Chương IV Bảo vệ trẻ em (từ Điều 47 đến Điều 73); Chương V Trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em (từ Điều 74 đến Điều 78); Chương VI Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em (từ Điều 79 đến Điều 102); Chương VII Điều khoản thi hành (từ Điều 103 đến Điều 106).

Luật trẻ em năm 2016 có những điểm mới cơ bản như sau:

1. Về tên gọi, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được đổi thành Luật trẻ em, phản ánh đầy đủ hơn nội dung và phạm vi của luật về đối tượng đặc thù như các luật đã được Quốc hội thông qua.

2. Về khái niệm, nguyên tắc thực hiện quyền trẻ em và những hành vi bị nghiêm cấm, 11 khái niệm được giải thích rõ trong Luật trẻ em gồm bảo vệ trẻ em; phát triển toàn diện của trẻ em; chăm sóc thay thế; người chăm sóc trẻ em; xâm hại trẻ em; bạo lực trẻ em; bóc lột trẻ em; xâm hại tình dục trẻ em; bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

Ngoài các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã được nêu trong Luật năm 2004, Luật trẻ em quy định thêm các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha, mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Luật trẻ em quy định rõ việc ưu tiên nguồn lực để thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, bao gồm cả nguồn tài chính và nguồn nhân lực.

Việc lồng ghép vấn đề trẻ em khi xây dựng pháp luật, chính sách được quy định thành một nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, đồng thời cụ thể hóa thành trách nhiệm của các cơ quan có liên quan thuộc Quốc hội, Chính phủ.

Trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em cũng được quy định tại Điều 9 và cụ thể tại nội dung Chương VI Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

Các hành vi bị nghiêm cấm được quy định cụ thể và bổ sung các hành vi như: tước đoạt quyền sống của trẻ em; tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn; cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em; không thực hiện trách nhiệm hỗ trợ trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm.

3. Về các quyền và bổn phận của trẻ em

Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 và Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Luật trẻ em quy định 25 nhóm quyền của trẻ em với một số quyền được bổ sung hoặc cụ thể hơn như: quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền bí mật đời sống riêng tư; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột lao động, không bị bạo lực, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn.

Kế thừa Luật năm 2004, các bổn phận của trẻ em được quy định cụ thể trong Luật trẻ em phù hợp với chế định về nghĩa vụ công dân của Hiến pháp năm 2013, Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng và phù hợp với yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng con người Việt Nam trong bối cảnh mới. Trẻ em có bổn phận đối với gia đình, nhà trường, cộng đồng, đất nước và chính bản thân các em.

4. Về việc bảo đảm thực hiện chăm sóc và giáo dục trẻ em

Luật trẻ em quy định các chính sách cơ bản của Nhà nước để bảo đảm trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch và thông tin, truyền thông cho trẻ em. Đây là căn cứ quan trọng để Nhà nước ban hành các chính sách cụ thể thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề có liên quan đến trẻ em phát sinh trong thực tế.

5. Về bảo vệ trẻ em

Luật trẻ em quy định cụ thể các yêu cầu bảo vệ trẻ em; các cấp độ bảo vệ trẻ em; trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chăm sóc thay thế; các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em được quy định cụ thể từ phòng ngừa, hỗ trợ đến can thiệp cùng với trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để bảo đảm trẻ em được an toàn, được hỗ trợ và can thiệp kịp thời khi có nguy cơ hoặc đang bị xâm hại. Trách nhiệm lập và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với từng trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi được quy định tại Điều 52 và được giao cho Chính phủ quy định chi tiết.

Luật quy định cụ thể về các loại hình, điều kiện hoạt động, thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký, đình chỉ, chấm dứt hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Luật quy định áp dụng các hình thức chăm sóc thay thế đối với trẻ em nhằm đảm bảo trẻ em được sống trong môi trường gia đình và được chăm sóc thay thế khi bị mất môi trường gia đình hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính, Luật trẻ em quy định mang tính hệ thống hóa các nguyên tắc, biện pháp áp dụng đối với người chưa thành niên trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành đồng thời bổ sung các nguyên tắc được quy định tại Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các điều ước quốc tế về tư pháp đối với trẻ em mà Việt Nam là thành viên.

6. Về quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

Trong Luật trẻ em, các vấn đề, phạm vi, hình thức và các biện pháp để bảo đảm trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em trong quá trình xây dựng,

triển khai chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, hoạt động của các cơ quan, tổ chức; bảo đảm sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề có liên quan đến trẻ em trong gia đình, nhà trường, cơ sở giáo dục khác được quy định cụ thể.

Để việc giám sát thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em khả thi và hiệu quả, Luật trẻ em quy định rõ nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em là Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

7. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em

Luật trẻ em quy định rõ trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục trong việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bao gồm: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục.

Do việc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương, Luật trẻ em quy định về Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều hòa giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; phối hợp giữa Chính phủ với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề về trẻ em, thực hiện quyền trẻ em.

IV. TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT

Luật trẻ em sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2017. Để đảm bảo các nội dung của Luật được triển khai thực hiện có hiệu quả, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật trẻ em;
- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật;
- Tổ chức quán triệt việc thực hiện; tập huấn, phổ biến Luật trẻ em;
- Rà soát, kiện toàn, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về quyền trẻ em và bảo đảm thực hiện quyền trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở tất cả các ngành, các cấp để bố trí cán bộ đủ năng lực làm công tác này./.

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

